

Số: 23

Ngày 16/6/2025

Bản tin hàng tuần
phát hành ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 23 có các nội dung đáng chú ý sau:

- **Nghị định số 118/2025/NĐ-CP** về tổ chức Bộ phận Một cửa tại cấp bộ, cấp tỉnh, cấp xã từ ngày 01/7/2025.
 - **Nghị định 120/2025/NĐ-CP** phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.
 - **Nghị định 122/2025/NĐ-CP** về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý thuế.
 - Văn bản dự thảo: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật về quản lý hành chính liên quan đến hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Công an nhân dân.
 - Mục Giải đáp pháp luật: Về chấm dứt hợp đồng lao động.
- Xin trân trọng giới thiệu cùng các đơn vị.

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐIỀU CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013

Ngày 16/6/2025, Quốc hội thông qua [Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam](#).

Điều 9, Điều 10, khoản 1 Điều 84, Điều 110 và Điều 111 của [Hiến pháp năm 2013](#) được sửa đổi, bổ sung.

Theo Nghị quyết này, các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành hai cấp, gồm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do luật định. Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội thành lập. Việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính phải lấy ý kiến Nhân dân địa phương và theo trình tự, thủ tục do Quốc hội quy định.

Chính quyền địa phương được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức ở đơn vị hành chính phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo do Quốc hội quy định. Chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định khi thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

Khi kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp

huyện trong năm 2025 thì không tiến hành bầu các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân tại đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp; không bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hình thành sau sắp xếp.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ định Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân, Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hình thành sau sắp xếp. Thủ tướng Chính phủ chỉ định Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hình thành sau sắp xếp. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ định Ủy viên Ủy ban nhân dân cùng cấp và chỉ định Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính cấp dưới hình thành sau sắp xếp. Thường trực Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hình thành sau sắp xếp chỉ định Ủy viên Ủy ban nhân dân cùng cấp. Trường hợp đặc biệt, cho phép chỉ định nhân sự không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân giữ các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp hoặc làm đại biểu

Hội đồng nhân dân để hình thành Hội đồng nhân dân lâm thời ở các phường đang thực hiện mô hình chính quyền đô thị không tổ chức Hội đồng nhân dân.

Các nội dung sửa đổi khác liên quan đến Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 16/6/2025.

2. CHÍNH SÁCH BỒI THƯỜNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI MÃ, SỐ VIỄN THÔNG, TÀI NGUYÊN INTERNET

Ngày 03/06/2025, Chính phủ đã ban hành [Nghị định 115/2025/NĐ-CP](#) quy định chi tiết một số điều của [Luật Viễn thông](#) liên quan đến quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, bồi thường khi Nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet và đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn".

Theo Điều 35 và 36 của Nghị định, Nhà nước bồi thường cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân bị thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet Việt Nam quy định tại [khoản 4 Điều 53 Luật Viễn thông](#).

Đối với mã, số viễn thông được phân bổ theo phương thức trực tiếp, mức bồi thường được xác định bằng số tiền phí sử dụng 01 năm của mã, số viễn thông đó. Đối với mã, số viễn thông được phân bổ theo phương thức đấu giá, mức bồi

thường được xác định bằng số tiền trúng đấu giá.

Đối với tài nguyên Internet Việt Nam được phân bổ trực tiếp, cấp trực tiếp, mức bồi thường của Nhà nước cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân bị thu hồi tài nguyên Internet Việt Nam theo quy định tại các [điểm a, điểm b khoản 2 Điều 53 Luật Viễn thông](#) được xác định bằng số tiền phí duy trì sử dụng tương ứng số năm duy trì còn lại của tài nguyên Internet Việt Nam đó tính từ thời điểm thu hồi (trường hợp thời hạn duy trì sử dụng dưới 01 năm được tính tròn là 01 năm). Đối với tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” được cấp theo phương thức đấu giá, mức bồi thường của Nhà nước cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân bị thu hồi tên miền theo quy định tại các [điểm a, điểm b khoản 2 Điều 53 Luật Viễn thông](#) được xác định bằng số tiền trúng đấu giá của tên miền đó.

Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản tới tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được bồi thường và công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ để cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân biết trước thời điểm được bồi thường ít nhất 03 tháng.

Nghị định cũng quy định về phân bổ, hoàn trả, thu hồi mã, số viễn thông, đổi số thuê bao viễn thông, thuê và cho thuê số thuê bao viễn thông; đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 20/07/2025.

3. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KHẮC PHỤC DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật được quy định tại [Nghị định số 116/2025/NĐ-CP](#) ngày 05/6/2025 của Chính phủ, gồm hỗ trợ cơ sở sản xuất có động vật, sản phẩm động vật buộc phải tiêu hủy do dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc Danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người hoặc bệnh do tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới xuất hiện trên lãnh thổ Việt Nam được xác định theo quy định của pháp luật; hỗ trợ người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật.

Về nguyên tắc, Nhà nước hỗ trợ một phần thiệt hại do dịch bệnh động vật, không đền bù thiệt hại; thực hiện hỗ trợ công khai, minh bạch, kịp thời, đủ điều kiện, đúng đối tượng, đúng định mức, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, không để xảy ra trục lợi chính sách, tiêu cực, lãng phí. Trường hợp cơ sở sản xuất và người tham gia khắc phục bệnh động vật đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật khác có liên quan thì được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

Mức hỗ trợ đối với cơ sở sản xuất động vật trên cạn và cơ sở sản xuất động vật thủy sản quy định cụ thể tại Điều 6 của Nghị định. Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian được huy động tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật được hỗ trợ 400.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 500.000 đồng/người/ngày đối

với ngày nghỉ, ngày lễ, tết. Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian được phân công, huy động tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật được hỗ trợ 150.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 300.000 đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết.

Nguồn kinh phí thực hiện gồm ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương); đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước, tổ chức quốc tế và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25/7/2025.

4. TỔ CHỨC BỘ PHẬN MỘT CỬA TẠI CẤP BỘ, TỈNH VÀ XÃ

[Nghị định số 118/2025/NĐ-CP](#) ngày 09/6/2025 của Chính phủ quy định về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp bộ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Tại cấp bộ, Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ căn cứ số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, tần suất tiếp nhận hồ sơ và tình hình bố trí trụ sở đề quyết định thành lập Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại bộ, cơ quan ngang bộ trực thuộc Văn phòng bộ, cơ quan ngang bộ hoặc tại cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, cơ quan ngang bộ.

Tại cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp

tỉnh là tổ chức hành chính thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, có con dấu và tài khoản riêng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Tại các thành phố trực thuộc Trung ương, trên cơ sở xem xét đặc thù về quản lý dân cư, tổ chức đời sống dân cư đô thị, đánh giá mức độ ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh là tổ chức hành chính trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và quyết định số lượng chi nhánh trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi địa phương.

Tại cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã là tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, có con dấu và tài khoản riêng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Tại các địa phương lựa chọn mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì không tổ chức Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã tiếp nhận thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

Bộ phận một cửa có trách nhiệm công khai kịp thời, đầy đủ bằng phương tiện điện tử hoặc văn bản danh mục, nội dung thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và được thực hiện tại Bộ phận Một cửa; đồng thời hỗ trợ tổ chức, cá nhân gặp khó khăn trong việc tiếp

cận thông tin công khai trên phương tiện điện tử. Tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính có thể phản ánh, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về sự không cần thiết, tính không hợp lý và không hợp pháp của thủ tục hành chính.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

5. QUY ĐỊNH MỚI VỀ PHÂN BỐ HẠN NGẠCH PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH CHO CƠ SỞ

Ngày 9/6/2025, Chính phủ ban hành [Nghị định 119/2025/NĐ-CP](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của [Nghị định 06/2022/NĐ-CP](#) quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Một trong các nội dung được sửa đổi là tổ chức phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho cơ sở.

Giai đoạn 2025 - 2026, cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính là các nhà máy nhiệt điện, cơ sở sản xuất sắt thép, cơ sở sản xuất xi măng thuộc danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính được Thủ tướng Chính phủ ban hành. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng thí điểm đề xuất lượng hạn ngạch phân bổ cho năm 2025 và năm 2026 cho từng nhà máy nhiệt điện, cơ sở sản xuất sắt thép, cơ sở sản xuất xi măng, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính theo giai đoạn và hằng năm. Căn cứ tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Nông nghiệp và Môi

trường phân bổ hạn ngạch cho các cơ sở trước ngày 31/12/2025.

Giai đoạn 2027 - 2028 và giai đoạn 2029 - 2030, các bộ quản lý lĩnh vực đề xuất danh mục cơ sở được phân bổ hạn ngạch căn cứ danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính được Thủ tướng Chính phủ ban hành và lượng hạn ngạch phân bổ hằng năm cho từng cơ sở, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 30/6/2027 cho giai đoạn 2027 - 2028; trước ngày 30/6/2029 cho giai đoạn 2029 - 2030. Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng cập nhật danh mục cơ sở được phân bổ hạn ngạch và lượng hạn ngạch phân bổ hằng năm cho từng nhà máy nhiệt điện, cơ sở sản xuất sắt thép, cơ sở sản xuất xi măng, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 30/6/2027 cho giai đoạn 2027 - 2028; trước ngày 30/6/2029 cho giai đoạn 2029 - 2030. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan rà soát, đánh giá, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính theo giai đoạn 2027 - 2028, giai đoạn 2029 - 2030 và hằng năm. Căn cứ tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân bổ hạn ngạch cho các cơ sở trước ngày 31/10/2027 cho giai đoạn 2027 - 2028 và trước ngày 31/10/2029 cho giai đoạn 2029 - 2030.

Cơ sở được phân bổ hạn ngạch được phép trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trên Sàn giao dịch các-bon theo lộ

trình. Cụ thể, giai đoạn đến hết 2028 sẽ thiết lập Hệ thống đăng ký quốc gia; xây dựng, tổ chức vận hành thí điểm Sàn giao dịch carbon; triển khai cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ trong nước và các hoạt động tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức về phát triển thị trường các-bon. Giai đoạn từ năm 2029 sẽ vận hành chính thức, triển khai cơ chế đấu giá hạn ngạch phát thải và hoàn thiện quy định quản lý tín chỉ các-bon, hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; quy định pháp luật về tổ chức, quản lý, vận hành thị trường các-bon trong nước và tham gia thị trường các-bon thế giới.

6. PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TƯ PHÁP

[Nghị định 120/2025/NĐ-CP](#) được Chính phủ ban hành ngày 11/6/2025 quy định về việc phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; trình tự, thủ tục thực hiện các thủ tục hành chính khi phân định thẩm quyền từ thẩm quyền của cấp huyện cho cấp xã hoặc cấp tỉnh.

Việc phân định thẩm quyền phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 2 của Nghị định, trong đó phải bảo đảm phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp chính quyền địa phương; phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân định; phân định rõ thẩm quyền giữa

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân; phân định rõ thẩm quyền chung của Ủy ban nhân dân và thẩm quyền riêng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; xác định rõ nội dung và phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn mà chính quyền địa phương được quyết định, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả; không trùng lặp, chồng chéo về nhiệm vụ, quyền hạn giữa chính quyền địa phương các cấp và giữa các cơ quan, tổ chức thuộc chính quyền địa phương; bảo đảm quyền con người, quyền công dân; bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc tiếp cận thông tin, thực hiện các quyền, nghĩa vụ và các thủ tục theo quy định của pháp luật; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội, người dân, doanh nghiệp.

Nghị định quy định cụ thể việc phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực hành chính tư pháp, chứng thực, hòa giải ở cơ sở, bồi thường Nhà nước.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 và hết hiệu lực từ ngày 01/3/2027.

7. PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP TRONG QUẢN LÝ THUẾ

Việc phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý thuế được quy định tại [Nghị định 122/2025/NĐ-CP](#) ngày 11/6/2025 của Chính phủ.

Nghị định này quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan và cá nhân có thẩm quyền

trong quản lý thuế được quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ cần điều chỉnh để thực hiện phân quyền, phân cấp.

Việc phân quyền, phân cấp phải bảo đảm phân cấp triệt để các nhiệm vụ giữa cơ quan nhà nước ở trung ương với chính quyền địa phương, bảo đảm thẩm quyền quản lý thống nhất của Chính phủ, quyền điều hành của người đứng đầu Chính phủ đối với lĩnh vực quản lý nhà nước về quản lý thuế và phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý thuế; bảo đảm Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ tập trung thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô; xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh phân quyền, phân cấp và phân định rõ thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân; phân định rõ thẩm quyền chung của Ủy ban nhân dân và thẩm quyền riêng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân định.

Theo Nghị định, Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện thẩm quyền cho ý kiến và quyết định ký nội dung APA đối với các APA song phương, đa phương có sự tham gia của cơ quan thuế nước ngoài theo quy định

tại khoản 5 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP. Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng thực hiện thẩm quyền quyết định thời điểm bắt đầu có hiệu lực của APA song phương hoặc đa phương theo quy định tại khoản 7 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 và hết hiệu lực từ ngày 01/3/2027.

8. CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ CẤP XÃ

Chính phủ đã ban hành Nghị định 150/NĐ-CP ngày 12/6/2025, quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp xã).

Sở là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Các tỉnh, thành phố được tổ chức không quá 14 sở, riêng Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh có không quá 15 sở. Các sở được tổ chức thống nhất ở các địa phương gồm Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Thanh tra tỉnh và Văn phòng Ủy ban nhân dân. Các sở đặc thù được tổ chức ở một số địa phương gồm Sở Ngoại vụ, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Du lịch, và Sở Quy hoạch - Kiến trúc được thành lập ở thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Phòng là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương. Phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập và công tác của Ủy ban nhân dân cấp xã, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Căn cứ quy định tại Điều 15 Nghị định này và yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương, chính quyền địa phương cấp xã quyết định việc thành lập các phòng chuyên môn. Các phòng chuyên môn được tổ chức ở cấp xã gồm Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường và đặc khu Phú Quốc), và Phòng Văn hóa - Xã hội.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 16/6/2025, thay thế Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

9. HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI HỒ SƠ BỆNH ÁN ĐIỆN TỬ

Hồ sơ bệnh án điện tử là hồ sơ bệnh án quy định tại [khoản 17 Điều 2 Luật Khám bệnh](#), chữa bệnh được lập, cập nhật, hiển thị, ký, lưu trữ, quản lý, sử dụng và khai thác bằng phương tiện điện tử.

Việc quản lý, triển khai hồ sơ bệnh án điện tử phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 1 của Thông tư: Việc lập, cập nhật hồ sơ bệnh án điện tử của người bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo đảm đầy đủ các thông tin theo quy định tại [Chương X Thông tư số 32/2023/TT-BYT](#) ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của [Luật Khám bệnh, chữa bệnh](#). Kết nối thông tin của hồ sơ bệnh án điện tử với số định danh cá nhân của công dân Việt Nam và người nước ngoài đã được cấp tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật về căn cước. Tuân thủ quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, dữ liệu, công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, tiếp cận thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, lưu trữ dữ liệu; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu điện tử của cơ quan nhà nước.

Nhân viên y tế, người bệnh hoặc người đại diện của người bệnh ký hoặc xác nhận điện tử nội dung liên quan trong hồ sơ bệnh án điện tử theo một trong các hình thức sau: Sử dụng chữ ký điện tử hợp pháp; Sử dụng các kỹ thuật sinh trắc học; Sử dụng các hình thức xác nhận bằng

phương tiện điện tử khác theo quy định tại khoản 4 Điều 22 của Luật Giao dịch điện tử.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/7/2025.

Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được cấp giấy phép hoạt động theo hình thức tổ chức là bệnh viện triển khai hồ sơ bệnh án điện tử chậm nhất vào ngày 30/9/2025. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác có người bệnh điều trị nội trú, điều trị ban ngày và điều trị ngoại trú triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, hoàn thành chậm nhất vào ngày 31/12/2026.

Đối với người bệnh đang điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 21/7/2025 và ra viện hoặc kết thúc đợt điều trị ngoại trú sau ngày 21/7/2025 mà đang sử dụng hồ sơ bệnh án lập bằng giấy thì tiếp tục được áp dụng hồ sơ bệnh án này cho đến khi ra viện hoặc kết thúc đợt điều trị ngoại trú, trừ trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thể chuyển thành hồ sơ bệnh án điện tử.

Đối với hồ sơ bệnh án đã được lập bằng giấy trước ngày 21/7/2025: căn cứ điều kiện thực tế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quyết định việc chuyển đổi hình thức giữa văn bản giấy và thông điệp dữ liệu bảo đảm quy định tại [Nghị định số 137/2024/NĐ-CP](#) ngày 23/10/2024 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

1. ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI 10 LUẬT VỀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN

Nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý về chức năng, nhiệm vụ, hoạt động của lực lượng Công an nhân dân trong lĩnh vực quản lý hành chính về an ninh, trật tự bảo đảm phù hợp với kết quả, định hướng sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, phù hợp với yêu cầu cấp bách của thực tiễn và bảo đảm thống nhất với hệ thống pháp luật, Bộ Công an chủ trì xây dựng và đang lấy ý kiến dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật.

Dự thảo Luật đề xuất các nội dung sửa đổi như sau: Sửa đổi Luật Cảnh vệ liên quan đến Ban Đối ngoại Trung ương và Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội. Sửa đổi Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam liên quan đến Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thị trấn, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân thị trấn, Công an thị trấn. Sửa đổi Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam liên quan đến Huyện ủy, Quận ủy, Thị ủy, Thành ủy thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị hành chính cấp huyện, Công an thị trấn, Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Sửa đổi Luật Cư trú và Luật Căn cước liên quan đến đơn vị hành chính cấp huyện, Công an cấp huyện. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Luật Lực lượng tham

gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở liên quan đến đơn vị hành chính cấp huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp huyện tại nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện. Sửa đổi Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ liên quan đến nhiệm vụ quản lý nhà nước về sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ đang quy định Bộ Giao thông vận tải thực hiện để phù hợp với việc chuyển nhiệm vụ này về Bộ Công an. Sửa đổi Luật Đường bộ liên quan đến Bộ Giao thông vận tải, đường huyện, trung tâm hành chính của huyện, thị xã, cấp huyện; quy định Thanh tra đường bộ có nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. Sửa đổi Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ liên quan đến Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan quân sự cấp huyện, cơ quan Công an cấp huyện. Sửa đổi Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ liên quan đến đơn vị hành chính cấp huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng Công an cấp huyện.

2. DỰ THẢO THÔNG TƯ VỀ PHÍ HẢI QUAN VÀ LỆ PHÍ HÀNG HÓA, PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI QUÁ CẢNH

Dự thảo Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng

hóa, phương tiện vận tải quá cảnh do Bộ Tài chính soạn thảo.

Theo dự thảo Thông tư, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ đã được bảo hộ hoặc người được ủy quyền hợp pháp phải nộp phí hải quan khi nộp: Đơn đề nghị cơ quan hải quan kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; Đơn đề nghị gia hạn thời hạn áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; Đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật về hải quan.

Người nộp phí, lệ phí thực hiện nộp phí, lệ phí bằng một trong ba hình thức: Không dùng tiền mặt, nộp vào tài khoản chuyên thu phí, lệ phí

của cơ quan hải quan mở tại tổ chức tín dụng; nộp qua tài khoản của cơ quan, tổ chức nhận tiền khác với cơ quan hải quan; nộp tiền mặt cho cơ quan hải quan hoặc tại Kho bạc Nhà nước. Trường hợp đăng ký tờ khai nhiều lần trong tháng, người nộp phí, lệ phí đăng ký với tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện nộp phí, lệ phí theo tháng. Căn cứ danh sách các tờ khai phải nộp phí, lệ phí do cơ quan hải quan thông báo, chậm nhất trong thời gian 10 ngày đầu của tháng tiếp theo, người nộp phí, lệ phí phải nộp phí, lệ phí theo trình tự, thủ tục quy định.

Thông tư này được ban hành sẽ thay thế [Thông tư 14/2021/TT-BTC ngày 18/02/2021](#) về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động?

Trả lời: Các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động được quy định tại [Điều 34 của Bộ luật Lao động](#) năm 2019, gồm:

- Hết hạn hợp đồng lao động, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 [Điều 177](#) của Bộ luật này;
- Đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động;
- Hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động;
- Người lao động bị kết án phạt tù nhưng không được hưởng án treo

hoặc không thuộc trường hợp được trả tự do theo quy định tại khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tử hình hoặc bị cấm làm công việc ghi trong hợp đồng lao động theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

- Người lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam bị trục xuất theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Người lao động chết; bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, mất tích hoặc đã chết;

- Người sử dụng lao động là cá nhân chết; bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, mất tích hoặc đã chết. Người sử dụng lao động không phải là cá nhân chấm dứt hoạt động hoặc bị cơ quan chuyên môn về đăng ký kinh doanh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra thông báo không có người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật;

- Người lao động bị xử lý kỷ luật sa thải;

- Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo [Điều 35](#) của Bộ luật này;

- Người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo [Điều 36](#) của Bộ luật này;

- Người sử dụng lao động cho người lao động thôi việc theo [Điều 42](#) và [Điều 43](#) của Bộ luật này;

- Giấy phép lao động hết hiệu lực đối với người lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo [Điều 156](#) của Bộ luật này;

- Trường hợp thỏa thuận nội dung thử việc ghi trong hợp đồng lao động mà thử việc không đạt yêu cầu hoặc một bên hủy bỏ thỏa thuận thử việc;

2. Hỏi: *Người lao động muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động thì phải báo trước bao nhiêu ngày?*

Trả lời: Theo [khoản 1, Điều 35 của Bộ luật Lao động năm 2019](#), người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nhưng phải báo trước cho người sử dụng lao động như sau:

- Ít nhất 45 ngày nếu làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn;

- Ít nhất 30 ngày nếu làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng;

- Ít nhất 03 ngày làm việc nếu làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn dưới 12 tháng;

- Đối với một số ngành, nghề, công việc đặc thù thì thời hạn báo trước được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

3. Hỏi: *Trong trường hợp nào người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không cần báo trước?*

Trả lời: Người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không cần báo trước trong các trường hợp quy định tại [khoản 2, Điều 35](#), Bộ luật Lao động năm 2019, cụ thể:

- Không được bố trí theo đúng công việc, địa điểm làm việc hoặc không được bảo đảm điều kiện làm việc theo thỏa thuận, trừ trường hợp quy định tại [Điều 29](#) của Bộ luật này;

- Không được trả đủ lương hoặc trả lương không đúng thời hạn, trừ trường hợp quy định tại [khoản 4 Điều 97](#) của Bộ luật này;

- Bị người sử dụng lao động ngược đãi, đánh đập hoặc có lời nói, hành vi nhục mạ, hành vi làm ảnh hưởng đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự; bị cưỡng bức lao động;

- Bị quấy rối tình dục tại nơi làm việc;

- Lao động nữ mang thai phải nghỉ việc theo quy định tại [khoản 1 Điều 138](#) của Bộ luật này;

- Đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại [Điều 169](#) của Bộ luật này, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;

- Người sử dụng lao động cung cấp thông tin không trung thực theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Bộ luật này làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng lao động.

4. Hỏi: *Người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp nào?*

Trả lời: Căn cứ khoản 1, [Điều 36, Bộ luật Lao động năm 2019](#), người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp sau đây:

- Người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động được xác định theo tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong quy chế của người sử dụng lao động;

- Người lao động bị ốm đau, tai nạn đã điều trị 12 tháng liên tục đối với người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc đã điều trị 06 tháng liên tục đối với người làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng hoặc quá nửa thời hạn hợp đồng lao động đối với người làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn dưới 12 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục. Khi sức

khỏe của người lao động bình phục thì người sử dụng lao động xem xét để tiếp tục giao kết hợp đồng lao động với người lao động;

- Do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh nguy hiểm, địch họa hoặc di dời, thu hẹp sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng vẫn buộc phải giảm chỗ làm việc;

- Người lao động không có mặt tại nơi làm việc sau thời hạn quy định tại [Điều 31](#) của Bộ luật này;

- Người lao động đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại [Điều 169](#) của Bộ luật này, trừ trường hợp có thỏa thuận khác;

- Người lao động tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng từ 05 ngày làm việc liên tục trở lên;

- Người lao động cung cấp không trung thực thông tin theo quy định tại [khoản 2 Điều 16](#) của Bộ luật này khi giao kết hợp đồng lao động làm ảnh hưởng đến việc tuyển dụng người lao động./.